

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG HÓA  
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - Ông Lê Xuân Thu
  - Ông Đào Duy Chuyên
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoàng Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:*  
Ông Dương Văn Tuấn, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Hoàng T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Gi, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Hoàng T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2024, bản tự khai ngày 03/10/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Biên và anh Phạm Văn Gi tự nguyện kết hôn năm 2008 tại UBND xã Hoàng T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh Gi thường xuyên chơi bời cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Nay

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị B đề nghị tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Phạm Văn Gi.

Về con: Vợ chồng anh chị có 02 con chung cháu tên là Phạm Văn Dinh, sinh ngày 18/03/2009; Phạm Văn Doanh, sinh ngày 02/02/2016. Ly hôn, chị B có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Văn Dinh và đồng ý giao cháu Phạm Văn Doanh cho anh Gi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phạm Văn Gi:* Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Gi vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Phạm Văn Long (bố đẻ anh Gi) và ông Long cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho anh Gi.

*Tại biên bản ghi lời khai của ông Phạm Văn Long ngày 14/11/2024 thể hiện:*

Con trai tôi là anh Phạm Văn Gi và chị Nguyễn Thị B tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoàng T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng kinh tế dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, tôi sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh Gi (hiện nay anh Gi đi làm) nên chưa về, anh Gi cũng đã biết chị B làm đơn xin ly hôn. Anh Gi có trao đổi với tôi quan điểm của anh Gi mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nay tôi sẽ nhận thay các văn bản tố tụng cho con trai tôi và cam đoan giao tận tay cho anh Gi.

Về con chung: Anh Phạm Văn Gi và chị Nguyễn Thị B có 02 con chung cháu tên là Phạm Văn Dinh, sinh ngày 18/03/2009; Phạm Văn Doanh, sinh ngày 02/2/2016. Nếu phải ly hôn anh Gi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Phạm Văn Dinh và Phạm Văn Doanh: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Biên đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của

BLTTDS. Bị đơn anh Phạm Văn Gi chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Phạm Văn Gi.

Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Văn Gi có 02 con chung cháu tên là Phạm Văn Dinh, sinh ngày 18/03/2009; Phạm Văn Doanh, sinh ngày 02/02/2016. Giao cháu Phạm Văn Dinh cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Văn Doanh cho anh Gi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn Gi và xin được nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn, anh Phạm Văn Gi là bị đơn.

1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Phạm Văn Gi có địa chỉ tại xã Hoằng T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn Gi và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, chính quyền địa phương xã Hoằng T xác nhận: Chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Văn Gi tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoằng T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc

được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được. Vợ chồng anh chị có 02 con chung cháu tên là Phạm Văn Dinh, sinh ngày 18/03/2009; Phạm Văn Doanh, sinh ngày 02/2/2016.

Ngày 14/11/2024 bị đơn anh Phạm Văn Gi đã được thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 24/12/2024, bị đơn anh Phạm Văn Gi vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Gi vắng mặt không có lý do, chị Biên có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Văn Gi kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoàng T, huyện H, tỉnh Thanh Hoá cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau hòa thuận một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Chị B có nguyện vọng xin được ly hôn anh Gi. Anh Gi, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến làm việc theo giấy triệu tập thể hiện anh bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và chị B không có mong muốn đoàn tụ. Do đó, HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B là cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Gi là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Văn Gi có 02 con chung cháu tên là Phạm Văn Dinh, sinh ngày 18/3/2009; Phạm Văn Doanh, sinh ngày 02/2/2016.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị B: Xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị B là phù hợp để đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị B giao cháu Lê Phạm Dinh cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Phạm Văn Gi: Anh Gi có nguyện vọng đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, giao cháu Phạm Văn

Doanh cho anh Gi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Văn Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Văn Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51,56,57,58, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Phạm Văn Gi.

*Về con chung:* Công nhận cháu Phạm Văn Dinh, sinh ngày 18/3/2009; Phạm Văn Doanh, sinh ngày 02/2/2016, là con chung của anh Phạm Văn Gi và chị Nguyễn Thị B.

Giao cháu Phạm Văn Dinh cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Văn Doanh cho anh Gi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật.

Anh Gi, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh Gi, chị B và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu anh Gi, chị B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Gi, chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh chị.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003979 ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa. Chị B đã

nộp đủ số tiền án phí.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B, bị đơn anh Phạm Văn Gi có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng T;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Phương**

